

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-PT

Ngày: 12-01-2018

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Phạm Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Bằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/01/2018 và ngày 12/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2017/TLPT- DS ngày 27/10/2017 về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hữu A, sinh năm 1959;

Cư trú tại: Quốc lộ Q, khóm An T, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đỗ Minh K, sinh năm 1948;

Cư trú tại: Tổ E, Quốc lộ Q, khóm An T, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Kim T, sinh năm 1956 (Vợ ông A);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Kim T là: Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1959 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2015).

2. Khúc Văn L, sinh năm 1949;

3. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952 (Vợ ông L);

4. Khúc Văn T, sinh năm 1990 (Con ông L);

5. Nguyễn Thị Diễm S, sinh năm 2000 (Cháu ông L);

6. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1981 (Con ông A);

7. Nguyễn Thị Như Th, sinh năm 1982 (Con ông A);

Cùng cư trú tại: Khóm An T, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị Thúy A2, sinh năm 1987 (Con ông A);

Cư trú tại: Khóm I, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1952;

10. Đỗ Thị Diễm X, sinh năm 1980 (Con ông K, bà L2);

Cùng cư trú tại: Khóm An T, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông Nguyễn Hữu A, ông Đỗ Minh K và bà Nguyễn Thị L2 có mặt tại phiên tòa;
Ông Khúc Văn L, bà Nguyễn Thị L1, anh Khúc Văn T, chị Nguyễn Thị Diễm S,
anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị Như Th, chị Nguyễn Thị Thúy A2, chị Đỗ Thị
Diễm X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim T cùng trình bày:

Nguồn gốc đất của ông đang sử dụng là do ông chuyển nhượng của ông Phạm Văn Q vào năm 1986, có chiều ngang giáp Quốc lộ Q là 18m, chiều ngang phía trong là 18,5m, chiều dài là 274m. Đất của ông giáp với đất của ông Đỗ Văn Ph là cha của ông Đỗ Minh K. Khoảng năm 1991-1993, ông với ông P có thỏa thuận cắm trụ đá mốc ranh để đi đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi Nhà nước thu hồi trừ đi thì còn lại hai thửa đất của ông là thửa 456 và thửa 47 cùng tờ bản đồ số 22, có chiều dài một cạnh 67,65m, một cạnh dài 67,11m theo mảnh trích đo

Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017. Năm 2000 ông P chia đất cho ông K về ở đến nay thì mốc ranh đã bị thất lạc không rõ nguyên nhân. Phần đất của ông K giáp ranh với đất của ông là đất ao lạng, trũng, thấp không sử dụng. Còn bên ông thì cải tạo uơm nuôi cá giống. Ông có thỏa thuận với ông K là xây dựng mốc ranh bằng tường rào cho ổn định nhưng ông K không đồng ý. Do yêu cầu chống lũ, che chắn sọt rác tạt vào ao, sọt cá và baba thất thoát, nên ông có xây tường rào che chắn tạm sâu vào bên trong phần đất của ông cách ranh đất có chỗ khoảng 0,4m.

Vì vậy, ông yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất của ông với ông Đỗ Minh K là đoạn thẳng nối liền các mốc 3, 4 và 9 theo mảnh trích đo Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017.

- Bị đơn ông Đỗ Minh K trình bày:

Đất của ông có nguồn gốc là của ông Đỗ Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh là cha mẹ của ông cho vợ chồng ông diện tích đất chiều ngang 18m, chiều dài 155m, có làm giấy tờ cho đất vào ngày 08/3/1996 và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/3/2000. Vào năm 2010 Nhà nước quy hoạch khu dân cư bờ nam thị xã H, nên phần diện tích đất của ông còn lại chiều ngang 18m chiều dài là 67m như hiện nay. Phía bắc giáp với ông Nguyễn Hữu A, phía Nam giáp với ông Nguyễn Thành Lg, phía Tây giáp Quốc lộ Q, phía Đông giáp đất quy hoạch của Nhà nước (có trụ đá). Ông A cho rằng bị bên ông lấn chiếm đất là không đúng, nên ông không đồng ý theo việc xác định ranh đất của ông A là các mốc 3, 4 và 9. Ông yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất của hai bên là đoạn thẳng nối liền các mốc 1, 6 và 7 theo mảnh trích đo Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Khúc Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Hữu A có cho gia đình ông cất nhà ở tạm từ trước năm 1990 đến nay, nhưng một nửa căn nhà của ông cất trên phần đất của ông Nguyễn Hữu A, nửa còn lại ông cất trên phần đất của vợ chồng ông K và bà L2. Vợ chồng ông ở được một thời gian thì vợ chồng ông K và bà L2 yêu cầu ông di dời một nửa căn nhà của ông để trả lại đất cho vợ chồng bà. Sau đó, vợ chồng ông có đến gặp ông Nguyễn Hữu A xin cho vợ chồng ông ở tạm một nửa căn nhà còn lại trên đất

ông Nguyễn Hữu A. Hiện nay nhà ông giáp ranh với đất ông Đỗ Minh K. Khi nào ông A và ông K xác định mốc ranh xong và có làm lại hàng rào, ông tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà chiều ngang 1m, chiều dài 6,7m để ông A và ông K làm ranh.

+ Bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Năm 1994 bà có mua diện tích đất của cha mẹ chồng bà là ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Nh chiều ngang 18m, chiều dài từ Quốc lộ Q thẳng đến phía sau ao nước với diện tích là 2.971m². Năm 2010 Nhà nước quy hoạch bồi thường đất để làm khu dân cư bờ nam thị xã H, nên đất bà còn lại chiều ngang 18m, chiều dài 67m. Đến năm 2013 bà và ông Đỗ Minh K ly hôn Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chia cho bà 607m² đất. Phần đất của bà và ông Nguyễn Hữu A không giáp ranh và không có tranh chấp, theo bà thì ông Nguyễn Hữu A đã lấn chiếm đất ông Đỗ Minh K nhiều đoạn. Việc ông Nguyễn Hữu A lấn chiếm đất ông K thì phải trả lại cho ông K.

+ Chị Đỗ Thị Diễm X trình bày:

Năm 2013 cha mẹ của chị là bà Nguyễn Thị L2 và ông Đỗ Minh K ly hôn có cho chị một nền nhà chiều ngang 4m, chiều dài 20m đất ở tại đô thị thuộc thửa số 377, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại khóm An T, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất của chị không giáp ranh với đất ông A và chị cũng không tranh chấp với ông A. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, trả lại sự công bằng cho cha chị là ông Đỗ Minh K.

+ Bà Nguyễn Thị L1, anh Khúc Văn T và chị Nguyễn Thị Diễm S trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Khúc Văn L.

+ Anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị Như Th và chị Nguyễn Thị Thúy A2 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Hữu A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã H đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu A.

- Giao cho ông Nguyễn Hữu A được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 10m^2 (theo các mốc 1-2-5-6 và 5-6-7-8) thuộc một phần thửa số 47 và một phần thửa 456, tờ bản đồ số 22, cụ thể như sau:

- + Chiều ngang phía trước giáp Quốc lộ Q từ mốc 1 đến mốc 2 là 0,45m;
- + Chiều ngang đoạn giữa từ mốc 5 đến mốc 6 là 0,11m;
- + Chiều ngang phía sau từ mốc 7 đến mốc 8 là 0,40m;
- + Chiều dài một cạnh giáp đất còn lại của ông K từ mốc 2 đến mốc 5 là 23,40m, từ mốc 5 đến mốc 8 là 43,71m;
- + Chiều dài một cạnh giáp đất còn lại của ông A từ mốc 1 đến mốc 6 là 23,40m, từ mốc 6 đến mốc 7 là 43,71m.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Minh K.

- Giao cho ông Đỗ Minh K được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 15m^2 (theo các mốc 2-3-4-5 và 4-5-8-9) thuộc một phần thửa số 373, tờ bản đồ số 64, cụ thể như sau:

- + Chiều ngang phía trước giáp Quốc lộ Q từ mốc 2 đến mốc 3 là 0,05m;
- + Chiều ngang phía sau từ mốc 8 đến mốc 9 là 0,40m;
- + Chiều dài một cạnh giáp đất còn lại của ông A từ mốc 2 đến mốc 5 là 23,40m, từ mốc 5 đến mốc 8 là 43,71m;
- + Chiều dài một cạnh giáp đất còn lại của ông K từ mốc 3 đến mốc 4 là 23,40m và từ mốc 4 đến mốc 9 là 43,71m.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu A và ông Đỗ Minh K được xác định theo các mốc như sau: Mốc 2 – Mốc 5 – Mốc 8. (Từ mốc 2 đến mốc 5 là 23,40m và từ mốc 5 đến mốc 8 là 43,71m).

Trong đó:

- + Mốc 1: đo gởi về mốc 2 là 0,45m và đo gởi về mốc 6 là 23,40;
- + Mốc 2: đo gởi về mốc 3 là 0,05m và đo gởi về mốc 4 là 23,40m;
- + Mốc 3: đo gởi về mốc 2 là 0,05m và đo gởi về mốc 11 là 17,50m;
- + Mốc 4: đo gởi về mốc 5 là 0,17m và đo gởi về mốc 3 là 23,40m;
- + Mốc 5: đo gởi về mốc 4 là 0,17m và đo gởi về mốc 13 là 17,96m;

- + Mốc 6: đo gởi về mốc 5 là 0,11m và đo gởi về mốc 13 là 17,85m;
- + Mốc 7: đo gởi về mốc 5 là 0,11m và đo gởi về mốc 13 là 17,85m;
- + Mốc 8: đo gởi về mốc 8 là 0,40m và đo gởi về mốc 14 là 17,91m.
- + Mốc 9: đo gởi về cây me chua là 4,50m và đo gởi về góc tường là 1,80m;

(Kèm theo Mảnh trích đo số 89-2017 ngày 04/01/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H).

4. Các đương sự phải tôn trọng ranh giới quyền sử dụng đất được xác định từ không gian đến lòng đất.

5. Các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

6. Công nhận sự tự nguyện của ông Khúc Văn L, bà Nguyễn Thị L1, ông Khúc Văn T, bà Nguyễn Thị Diễm S tháo dỡ, di dời một phần căn nhà ngang 1m chiều dài 6,7m có kết cấu nhà sàn gỗ tạp, trụ đá, khung cột bằng gỗ tạp, mái tole sóng vuông, đòn tay gỗ sỡ vuông, kèo gỗ, vách bằng tole sóng tròn để cho ông Nguyễn Hữu A làm tường rào.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 9 năm 2017, ông Đỗ Minh K làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: 1- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu A; 2- Chấp nhận yêu cầu của ông, yêu cầu ông A trả lại cho ông diện tích lấn chiếm là 23,4m² tại thửa 373 và 375, tờ bản đồ số 64 đất tọa lạc tại khóm An T, phường A1, thị xã H do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Đỗ Minh K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, riêng bà L2 chưa chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Minh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Đỗ Minh K cho rằng ranh giới quyền sử dụng đất của ông với ông A là đoạn thẳng nối liền các mốc 1, 6 và 7 theo mảnh trích đo Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017, nhưng việc xác định ranh này không được ông A thừa nhận và đồng ý. Ông cũng không có chứng cứ chứng minh là ranh giới quyền sử dụng đất của ông với bên ông A là tại vị trí như ông xác định.

[2] Mặt khác, vào khoảng năm 2000 khi ông A xây tường rào cặp theo ranh đất của hai bên như hiện trạng nhưng ông cũng không có tranh chấp yêu cầu chính quyền giải quyết. Trước đây khi Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa ông và bà L2 thì các đương sự đã xác định ranh đất đầu giáp Quốc lộ Q tại trụ đá (Mốc số 2), còn ở đầu đất phía trong giáp với đất quy hoạch của Nhà nước thì ranh đất là cặp theo mí ngoài tường rào của ông A (Mốc số 8).

[3] Căn cứ vào mảnh trích đo Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017 thì phần đất có chiều ngang giáp Quốc lộ Q bên ông A sử dụng 17,8m, bên ông K sử dụng 17,55m. Còn chiều ngang giáp với đất quy hoạch của Nhà nước bên ông A sử dụng 17,91m, bên ông K sử dụng 17,96m. Như vậy, chiều ngang đất của bên ông A và ông K đều không đủ 18m theo như lời trình bày và yêu cầu của hai ông.

Do đó, ranh giới quyền sử dụng đất của hai bên được xác định theo hiện trạng mà hai bên đang sử dụng là đoạn thẳng nối liền các mốc 2, 5 và 8 theo mảnh trích đo Địa chính số 89 - 2017 ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thị xã H.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông A và ông K đều xác định ranh đất của hai bên là một đoạn thẳng. Ông A cho rằng tường rào ông xây tạm cặp theo ranh đất

do lâu ngày có đoạn bị đổ, ngã. Khi Tòa án xác định ranh đất cho hai bên xong nếu phần tường nào của ông có trên ranh đất ông sẽ di dời để xây lại tường rào mới. Còn ông K cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Xét đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên ông Đỗ Minh K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Minh K.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu A.
4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Minh K.

- Ranh giới quyền sử dụng đất của thửa 456 và thửa 47, cùng tờ bản đồ số 22 do hộ ông Nguyễn Hữu A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa 373 và thửa 375, cùng tờ bản đồ số 64 do hộ ông Đỗ Minh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại phường A1, thị xã H là một đoạn thẳng

có chiều dài 67,11m nối liền các mốc 2, 5 và 8 theo Mảnh trích đo số 89-2017 ngày 04/01/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ di dời tài sản của mình (nếu có) ra khỏi ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nêu trên và đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích đất mà mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Khúc Văn L, bà Nguyễn Thị L1, anh Khúc Văn T, chị Nguyễn Thị Diễm S đồng ý tháo dỡ, di dời một phần căn nhà ngang 1m chiều dài 6,7m có kết cấu nhà sàn gỗ tạp, trụ đá, khung cột bằng gỗ tạp, mái tole sóng vuông, đòn tay gỗ xẻ vuông, kèo gỗ, vách bằng tole sóng tròn để trả lại ranh giới quyền sử dụng đất cho hộ ông A và hộ ông K.

(Kèm theo Mảnh trích đo số 89-2017 ngày 04/01/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H).

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Hữu A phải chịu 417.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 1.307.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 029595 ngày 28/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H, ông Nguyễn Hữu A được nhận lại tiền chênh lệch là 890.000đ.

+ Ông Đỗ Minh K phải chịu 2.673.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 422.000đ theo biên lai số 029670 ngày 29/12/2015, 200.000đ theo biên lai số 034251 ngày 05/4/2016 và 300.000đ theo biên lai số 14060 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H. Ông Đỗ Minh K còn phải nộp thêm 2.051.000đ.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền là 4.100.000đ. Mỗi người phải chịu 50% là 2.050.000đ, trong đó ông Nguyễn Hữu A tạm ứng 2.600.000đ, ông Đỗ Minh K tạm ứng 1.500.000đ. Ông Đỗ Minh K phải trả lại cho ông Nguyễn Hữu A 550.000đ.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sỹ Danh Đạt